TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIAO THỦY** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-7-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị Nguyễn Thị Xuân M và anh Đỗ Văn T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ông Ngọc Lễ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Trường.

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Lan Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Xuyến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Xuân M; sinh năm 1999; đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, xã G1, huyện G, tỉnh N; nơi ở hiện nay: Xóm 8, xã G2, huyện G, tỉnh N; "vắng mặt".

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T; sinh năm 1995; địa chỉ: Xóm Đ, xã G1, huyện G, tỉnh N; "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23- 02- 2021, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Xuân M trình bày: Chị và anh Đỗ Văn T tự nguyện tìm hiểu, được Uỷ ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07- 5- 2018. Sau ngày cưới, vợ

chồng chung sống hạnh phúc được 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có lời lẽ xúc phạm chị, không quan tâm chăm lo cho cuộc sống gia đình; vợ chồng sống ly thân từ tháng 9- 2020 cho đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể chung sống với nhau được nữa, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn T.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Khả H; sinh ngày 20- 8- 2018. Hiện nay, con chung đang ở cùng chị. Ly hôn, chị nhận nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Đỗ Văn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Xuân M qua tìm hiểu thống nhất và tự nguyện đi đến kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07- 5- 2018. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 8- 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị M sống không chung thủy. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 26- 12- 2020 cho đến nay. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nữa, vì vậy chị Nguyễn Thị Xuân M đề nghị ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Khả H; sinh ngày 20- 8- 2018. Ly hôn, anh T nhận nuôi con chung và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 05- 5- 2021, đại diện đoàn thể cũng như đại diện Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định cung cấp: Chị Nguyễn Thị Xuân M và anh Đỗ Văn T được Uỷ ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thuỷ, tỉnh Nam Định cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07- 5- 2018. Trong quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn như thế nào địa phương không biết được. Nay chị M đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh T, đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật giải quyết việc ly hôn của vợ chồng. Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Khả H; sinh ngày 20- 8- 2018; hiện nay cháu H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và đang do chị M trực tiếp nuôi dưỡng; vợ chồng ly hôn nên giao con chung cho chị M nuôi dưỡng là phù hợp. Vợ chồng không liên quan gì về tài sản, công nợ đối với tập thể.

Tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 4 năm 2021 chị Nguyễn Thị Xuân M và anh Đỗ Văn T thống nhất thuận tình ly hôn. Về con chị M và anh T thỏa thuận: Anh T là người trực tiếp nuôi con chung là Đỗ Khả H, sinh ngày 20-8-2018 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động tự lập được, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 chị M có đơn xin thay đổi nuôi con với nội dung: Anh T công việc không ổn định nên không đủ khả năng và điều kiện nuôi con. Do

vậy nay chị đề nghị Tòa án giao cháu Đỗ Khả Hân cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án: Đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân M. Về con chung, giao chị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Đỗ Khả H; sinh ngày 20- 8- 2018 là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân M có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Đỗ Văn T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai; căn cứ Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân M và anh Đỗ Văn T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G1, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định vào ngày 07- 5- 2018 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn.Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9-2020 đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M xin ly hôn, được anh T hoàn toàn nhất trí, vì vậy chấp nhận nguyện vọng của chị Nguyễn Thị Xuân M xin ly hôn anh Đỗ Văn T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Đỗ Khả H; sinh ngày 20- 8- 2018. Nguyện vọng của chị M được tiếp tục nuôi con; chính quyền địa phương xã G1 cũng đề nghị giao con cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy hiện nay con chung dưới 36 tháng tuổi cần phải có sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Vì vậy, nay giao cháu Đỗ Khả H cho chị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T được quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Xuân M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81,82,83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Xuân M và anh Đỗ Văn T.

2.Về con: Giao chị Nguyễn Thị Xuân M tiếp tục trực tiếp nuôi con chung là cháu Đỗ Khả H; sinh ngày 20-8-2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành lao động tự lập được. Anh Đỗ Văn T không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M.

Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị M phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị M đã nộp tại biên lai thu số 0003964 ngày 02 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy nay được chuyển thành án phí (chị M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

4. Về quyền kháng cáo: Chị M và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã G1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ông Ngọc Lễ